TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24-12-2024.
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vân;
2. Ông Lê Văn Lài.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 701/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 126/2024/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số: 91/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lưu Mỹ T, sinh năm 1989; địa chỉ cư trú: khu phố C, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng T1, sinh năm 1990; địa chỉ cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/10/2024, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lưu Mỹ T trình bày: Chị và anh T1 tự nguyện chung sống năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh ngày 18/12/2015. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, trở về sau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ tháng 7/2019 cho đến nay. Nguyên nhân do anh T1 còn ham chơi không quan tâm đến vợ, con; ngoài ra anh T1 còn sử dụng ma túy và bị đưa đi cai nghiện, từ đó hôn nhân không hạnh phúc. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Chị và anh T1 có 02 con chung tên là Lưu Mỹ A, sinh ngày 26/8/2019 và Nguyễn Hoàng Â, sinh ngày 03/10/2015 đang bệnh tâm thần theo Kết luận khám sức khỏe tâm thần số: 831/TTPYTTKV-KKB ngày 28/3/2022 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực thành phố H hiện nay chị T đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa mặc dù bị đơn anh Nguyễn Hoàng T1 đã được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh T1 không đến Tòa án làm việc cũng không có văn bản ý kiến trình bày về vụ kiện.*

Tại phiên tòa chị T, anh T1 đều vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Các đương sự vắng mặt tại phiên toà.

+ Về nội dung: Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Mỹ T.

Chị Lưu Mỹ T được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T1. Giao 02 con chung tên là Nguyễn Hoàng Â, sinh ngày 03/10/2015 (bị bệnh tâm thần) và Lưu Mỹ A, sinh ngày 26/8/2019 cho chị Lưu Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đương sự phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Lưu Mỹ T khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết con chung đối với anh Nguyễn Hoàng T1 cư trú tại xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Do vậy xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" và Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Lưu Mỹ T có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Hoàng T1 đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh T1 tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh vào năm 2015. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo chị T trình bày sau khi sinh con vào cuối năm 2015 thì chị và anh T1 phát sinh mâu thuẫn kéo dài đến 2019, do anh T1 ham chơi không quan tâm đến vợ, con; ngoài ra anh T1 còn sử dụng ma túy và bị đưa đi cai nghiện ma túy theo Quyết định số 72/QĐ-TA ngày 19/7/2019 của Toà án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Sau khi cai nghiện trở về, chị T và anh T1 cũng không sống chung, đã sống ly thân từ tháng 7/2019 cho đến nay. Xuyên suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T1 không đến Tòa làm việc và không có văn bản trình bày ý kiến về các yêu cầu khởi kiện của chị T. Điều này cho thấy anh T1 không có biểu hiện, động thái tích cực và thiện chí để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, thuyết phục chị T hàn gắn mối quan hệ vợ chồng.

Xét thấy cuộc sống hôn nhân của chị T và anh T1 không mang lại hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ, do vậy Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T đối với anh T1 theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về con chung: Chị T và anh T1 có 02 con chung tên là Lưu Mỹ A, sinh ngày 26/8/2019 và Nguyễn Hoàng Â, sinh ngày 03/10/2015 đang bị bệnh tâm thần theo Kết luận khám sức khỏe tâm thần số: 831/TTPYTTKV-KKB ngày 28/3/2022 của Trung tâm pháp y tâm thần khu vực thành phố H. Hiện nay các con chung đang chung sống với chị T do vậy cần giao 02 con chung Nguyễn Hoàng Â, sinh ngày 03/10/2015; Lưu Mỹ A, sinh ngày 26/8/2019 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi 02 con chung. Sau ly hôn, anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết; mặt khác anh T1 không có văn bản trình bày ý kiến đối với các vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Mỹ T về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" đối với anh Nguyễn Hoàng T1.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Mỹ T được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T1.

- Về con chung: Giao 02 con chung tên là Nguyễn Hoàng Â, sinh ngày 03/10/2015 và Lưu Mỹ A, sinh ngày 26/8/2019 cho chị Lưu Mỹ T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Sau ly hôn, anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lưu Mỹ T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí khởi kiện chị đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0010078 ngày 29/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh. Chị T đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành hành án dân sự. án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án./.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV-TAND tỉnh TN;
- VKSND H.C;
- CCTHADS H.C;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

- UBND thị trấn Tân Châu;
- Đương sự;
- Lưu HS.

Bùi Thị Liên